TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2025/HSST
Ngày 09 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Lan Anh, bà Quàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2025/HSST-QĐ ngày 28/8/2025 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn N, sinh ngày 15/4/1985 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản Đứa Mòn, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Là Đảng viên Đ đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số: 02-QĐ/UBKTĐU ngày 05/8/2025 của Uỷ ban kiểm tra Đảng ủy xã M, tỉnh Sơn La; Con ông: Lò Văn N1 (sinh năm 1945) và bà: Lò Thị C (sinh năm 1945); Bị cáo có vợ là Lường Thị S (sinh năm 1993) và có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017); Nhân thân: Ngày 15/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La ra Quyết định số 934/QĐ-XPHC xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (đã hết thời hiệu) Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Trường S1, sinh ngày 23/6/1983 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là Tổ dân phố H, xã S, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Xuân C1 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị M (sinh năm 1959); Bị cáo có vợ là Bùi Phương O (sinh năm 1987) và có 03 con (con

lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2021); Tiền án: Ngày 28/7/2023 bị TAND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt phạt 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) về tội Đánh bạc. Ngày 04/4/2025 Nguyễn Trường S1 mới chấp hành xong khoản tiền phạt 22.000.000 đồng (chưa được xóa án tích). Tại thời điểm phạm tội mới (ngày 07/4/2025) Nguyễn Trường S1 tuy đã chấp hành xong Bản án nhưng chưa đủ thời hạn 01 (một) năm để xóa án tích. Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

3. Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/8/1984 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là Tổ dân phố G, xã S, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn N2 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1954); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1989 (đã ly hôn) và không có con. Nhân thân: Ngày 22/01/2008 bị TAND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hai tội là 18 (mười tám) tháng tù (đã được xóa án tích). Tiền án: Ngày 29/5/2015 bị TAND tỉnh Sơn La xử phạt phạt 07.000.000 đồng (bảy triệu đồng) về tội Đánh bạc. Ngày 22/5/2025 Nguyễn Văn T mới chấp hành xong khoản tiền phạt 7.000.000 đồng (chưa được xóa án tích). Tại thời điểm phạm tội mới (ngày 07/4/2025) Nguyễn Văn T đã chấp hành xong Bản án nhưng chưa đủ thời hạn 01 (một) năm để xóa án tích. Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

4. Đào Xuân T3, sinh ngày 01/8/1966 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Tổ dân phố F, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là Tổ dân phố F, xã S, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Đào Ngọc S2 (đã chết) và bà: Bùi Thị T4 (đã chết); Bị cáo có vợ là Phạm Thị N3 (sinh năm 1971, đã ly hôn) và có 02 con (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2003);

Nhân thân:

- Ngày 19/03/1998, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 07 (bảy) tháng tù về Tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 02/HS-ST (đã được xóa án tích).

- Ngày 24/10/2000, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo về Tội chống người thi hành công vụ (đã được xóa án tích).

- Ngày 02/4/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh S xử phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù về Tội vận chuyển trái phép chất ma túy theo Bản án số 69/HS-ST (đã được xóa án tích).

- Ngày 31/01/2007, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về Tội huỷ hoại tài sản tại Bản án số

30/2007-HSST (đã được xoa án tích).

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

5. Lò Văn X, sinh ngày 23/10/1985 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là Bản N, xã N, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn T5 (đã chết) và bà: Lò Thị H (đã chết); Bị cáo có vợ là Lò Thị N4 (sinh năm 1989) và có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

6. Đèo Văn T6, sinh ngày 26/3/1992 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là Bản L, xã B, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Đèo Văn T7 (sinh năm 1951) và bà: Tòng Thị V (sinh năm 1962); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

7. Lò Văn X1, sinh ngày 11/12/1979 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản Đứa Mòn, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn H1 (đã chết) và bà: Lò Thị Ố (đã chết); Bị cáo có vợ là Lò Thị X2 (sinh năm 1979) và có 03 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

8. Phạm Văn V1, sinh ngày 28/11/1989 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản T, xã C, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Phạm Văn N5 (sinh năm 1960) và bà: Ngô Thị T8 (sinh năm 1961); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T9 (sinh năm 1988) và có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

8. Lò Văn Q, sinh ngày 16/4/1997 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản Đứa Mòn, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con

ông: Lò Văn M1 (sinh năm 1970) và bà: Lò Thị H2 (sinh năm 1971); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

9. Quàng Văn H3, sinh ngày 30/12/1991 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản Đứa Mòn, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Quàng Văn C2 (sinh năm 1966) và bà: Lò Thị M2 (sinh năm 1966); Bị cáo có vợ là Lò Thị X3 (sinh năm 1992) và có 01 con (sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

10. Quàng Văn H4, sinh ngày 16/02/1989 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản Đứa Mòn, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Quàng Văn C2 (sinh năm 1966) và bà: Lò Thị M2 (sinh năm 1966); Bị cáo có vợ là Lò Thị T10 (sinh năm 1990) và có 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016); Nhân thân: Ngày 12/02/2008 Quàng Văn H4 bị Công an huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng (đã hết thời hiệu). Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

11. Lò Văn K, sinh ngày 06/01/1991 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản B, xã Y, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản B, xã C, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn Q1 (sinh năm 1963) và bà: Quàng Thị T11 (sinh năm 1965); Bị cáo có vợ là Vì Thị N6 (sinh năm 1990) và có 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

13. Lò Văn C3, sinh ngày 09/9/1980 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản Đứa Mòn, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn H5 (đã chết) và bà: Lò Thị B (đã chết); Bị cáo có vợ là Lò Thị S3 (sinh năm 1982) và có 04 con (con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2008); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

14. Nguyễn Thị T9, sinh ngày 20/8/1988 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản T, xã C, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn N2 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1954); Bị cáo có chồng là Phạm Văn V1, sinh năm 1989 và có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016) Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

15. Lò Văn T12, sinh ngày 10/10/1970 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản Đ, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn P (sinh năm 1931) và bà: Lò Thị D (sinh năm 1931); Bị cáo có vợ là Lò Thị H2 (sinh năm 1973) và có 03 con (con nhỏ sinh năm 1990, con lớn sinh năm 1995); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

16. Lò Văn N7, sinh ngày 16/7/1987 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản Đứa Mòn, xã M, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn N1 (sinh năm 1945) và bà: Lò Thị C (sinh năm 1945); Bị cáo có vợ là Lò Thị D1 (sinh năm 1988) và có 03 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, hiện đang được áp dụng biện pháp *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"*. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 00 phút ngày 07/4/2025, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (PC02) - Công an tỉnh S làm nhiệm vụ tại khu vực bản Đứa Mòn, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La phát hiện tại nhà ông Lò Văn N, trú tại: bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La có 16 đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức chơi "xóc đĩa" cá cược được thua bằng tiền. Quá trình bắt quả tang một số đối tượng đã bỏ chạy. Tổ công tác đã tiên hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 08 đối tượng là: Nguyễn Thị T9, Lò Văn C3, Lò Văn X1, Nguyên Văn T13, Lò Văn X, Đào Xuân T3, Phạm Văn V1, Trần Hữu T14 cùng vật chứng và đưa các đối tượng về cơ quan Công an để điều tra làm rõ.

Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc gồm: 21.000.000 đồng, 01 bát, 01 đĩa, 04 quân vị. Thu giữ trong người 08 đối tượng trên tổng số tiền 25.030.000 đồng, 08 điện thoại di động.

Đối với 08 đối tượng bỏ chạy trốn, sau đó đã ra đầu thú gồm: Lò Văn N,

Đèo Văn T6, Lò Văn K, Lò Văn N7, Quàng Văn H4, Quàng Văn H3, Lò Văn Q, Lò Văn T12, Nguyễn Trường S1. Sau khi đầu thú Nguyễn Trường S1 giao nộp 2.000.000 đồng, Lò Văn Q giao nộp 800.000 đồng, Đèo Văn T6 giao nộp 200.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 07/4/2025, Lò Văn N, cư trú tại: bản Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là bản Đứa Mòn, xã M, tỉnh Sơn La) nhắn tin bằng ứng dụng Messenger trên điện thoại di động rủ Lò Văn X đến nhà N để đánh bạc và bảo X gọi thêm người đến tham gia đánh bạc, X đồng ý. Sau đó, X gọi điện thoại cho Phạm Văn V1 và Nguyễn Thị T9 (vợ của V1), Nguyễn Văn T rủ đến nhà N chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, X đi đến nhà N thì gặp Phạm Văn V1, Nguyễn Thị T9, Nguyễn Văn T và Đào Xuân T3, Đèo Văn T6, Trần Hữu T14 đang có mặt ở nhà N. Lúc này, T6 hỏi N "chơi ở đâu" thì N chỉ ở gian nhà phía sau. Nhẫn lấy bát, đĩa để xuống chiếu đã trải sẵn ở gian phòng ngủ (cạnh khu bếp nhà N) rồi đưa kéo cho T6 dùng để cắt quân vị từ vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu "Thăng Long" thành 04 hình tròn làm quân vị để đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Lúc này, Lò Văn X là người xóc đĩa (xóc cái) cho Lò Văn N, Phạm Văn V1, Nguyễn Thị T9, Nguyễn Văn T, Đèo Văn T6, Đào Xuân T3 cá cược bằng tiền, còn Trần Hữu T14 không tham gia cá cược.

Đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, có Quàng Văn H3, Lò Văn K, Lò Văn X1 đến nhà N thấy mọi người đang đánh bạc, H3, K, X1 vào tham gia cá cược cùng mọi người. Lò Văn N8 yêu cầu những ai tham gia đánh bạc nộp tiền "phế" thì có Lò Văn X, Đào Xuân T3, Quàng Văn H6, Phạm Văn V1, Nguyễn Thị T9, Lò Văn Q, Đèo Văn T6, mỗi người nộp cho N 200.000 đồng.

Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, có Lò Văn C3, Lò Văn Q, Nguyễn Trường S1 (S1 "Chuối"), Quàng Văn H4, Lò Văn N7, Lò Văn T12, Chu Trung K1 đến nhà N; C3, Q, S1, H4, N7, T12 vào tham gia đánh bạc cùng mọi người (Chu Trung K1 không tham gia cá cược). Nguyễn Trường S1 và 02 người nữa nộp tiền "phế" cho Lò Văn N với tổng số tiền 600.000 đồng.

Trong khi đánh bạc do Lò Văn X đã thua hết tiền nên Nguyễn Trường S1 vào xóc cái thay và cá cược với mọi người. Lò Văn X đã chuyển qua tài khoản 2.800.000 đồng cho Lò Văn Q để Q đưa tiền mặt cho X tiếp tục cá cược; Đào Xuân T3 vay của Lò Văn N số tiền 5.000.000 đồng (đã trả cho N khi N đi lấy cỏ cá). Trong lúc các đối tượng đánh bạc thì có Trần Hữu T14 và Chu Trung K1 có mặt nhưng không tham gia cá cược.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (PC02) - Công an tỉnh S phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng (như nêu trên). Khi phát hiện, tổ công tác đã bắt giữ được 08 đối tượng tại hiện trường gồm: Phạm Văn V1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T9, Đào Xuân T3, Lò Văn X, Lò Văn X1, Lò Văn C3, Trần Hữu T14. Các đối tượng còn lại đã bỏ trốn khỏi hiện trường.

- Trong các ngày 10, 11 và 15/4/2025 các đối tượng: Lò Văn N; Đèo Văn T6; Lò Văn K; Lò Văn N7; Quàng Văn H4; Quàng Văn H3, Lò Văn Q; Lò Văn

T12 và Nguyễn Trường S1 đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (PCO2) - C4 và thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện.

Kết quả điều tra xác định hành vi đánh bạc được các bị cáo trong vụ án quy ước cách thức cá cược và hình thức thanh toán như sau: Những người tham gia đánh bạc bằng hình thức "xóc đĩa" cá cược được thua bằng tiền; các mặt chẵn, lẻ để xác định thắng thua; quy định người chơi phải đặt mức cược tối thiểu là 50.000 đồng và không quy định mức đặt cá cược tối đa cho mỗi ván. Mặt chẵn được quy định bên phải của người xóc cái, mặt lẻ bên trái người xóc cái; người tham gia chơi tự đặt cược với nhau theo mặt chẵn hoặc lẻ. Nếu kết quả xóc cái có 2 hoặc 4 quân vị cùng sấp hoặc ngửa thì người đặt cược mặt chẵn thắng; nếu kết quả xóc cái có 1 hoặc 3 quân vị cùng ngửa thì người đặt cược mặt lẻ thăng. Người chơi thích mặt nào thì đặt tiên cá cược bên mặt đó. Nêu người đặt cược thăng thì được trả số tiền bằng số tiền đã đặt cược; nêu thua thì mất số tiền đã đặt cược.

Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc (cá cược) như sau:

(1) Lò Văn N có 5.200.000 đồng (gồm 4.400.000 đồng + 800.000 đồng tiền phế thu được để cá cược);

(2) Lò Văn X mang theo 5.050.000 đồng, sử dụng cá cược 4.850.000 đồng + 2.800.000 đồng đổi tiền qua tài khoản = 7.650.000 đồng, nộp phế 200.000 đồng, khi bị bắt có 100.000 đồng;

(3) Nguyễn Trường S1 có 5.000.000 đồng cá cược, khi bị bắt có 2.000.000 đồng;

(4) Đèo Văn T6 có 3.100.000 đồng cá cược, nộp phế 200.000 đồng, khi bị bắt có 200.000 đồng;

(5) Đào Xuân T3 có 5.000.000 đồng cá cược, nộp phế 200.000 đồng, khi bị bắt có 2.000.000 đồng;

(6) Lò Văn X1 có 4.000.000 đồng cá cược, khi bị bắt có 3.750.000 đồng;

(7) Nguyễn Văn T có 3.950.000 đồng cá cược, khi bị bắt có 3.950.000 đồng;

(8) Phạm Văn V1 có 3.000.000 đồng cá cược, nộp phế 400.000 đồng, khi bị bắt có 5.000.000 đồng;

(9) Lò Văn Q có 800.000 đồng cá cược, khi bị bắt có 800.000 đồng;

(10) Quàng Văn H3 có 500.000 đồng cá cược, nộp phế 100.000 đồng;

(11) Nguyễn Thị T9 mang theo 10.030.000 đồng (sử dụng cá cược 500.000 đồng, khi bị bắt có 9.530.000 đồng);

(12) Lò Văn C3 có 400.000 đồng cá cược, khi bị bắt có 700.000 đồng;

(13) Lò Văn K sử dụng 300.000 đồng để cá cược;

(14) Lò Văn T12 sử dụng 300.000 đồng để cá cược;

(15) Quàng Văn H4 sử dụng 200.000 đồng để cá cược;

(16) Lò Văn N7 sử dụng 100.000 đồng để cá cược.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để cá cược là 39.500.000 đồng. Số tiền Lò Văn N được hưởng lợi từ việc các bị cáo cá cược là 1.100.000 đồng. Số tiền 9.030.000 đồng của Nguyễn Thị T9 mang theo nhưng không sử dụng để đánh bạc.

Đối với Trần Hữu T14, sinh năm 1989, trú tại: bản T, xã N (nay là xã S),

tỉnh Sơn La và Chu Trung K1, sinh năm 1984, trú tại: tổ dân phố F, thị trấn S (nay là xã S), tỉnh Sơn La có mặt tại chiếu bạc vào ngày 07/4/2025 nhưng không tham gia cá cược.

Tại cáo trạng số: 85/CT-VKS ngày 30/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố:

+ Bị cáo Lò Văn N về tội: Tổ chức đánh bạc theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội: Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

+ Các bị cáo Nguyễn Trường S1, Nguyễn Văn T, Đào Xuân T3, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 về tội: Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 322, Điều 321 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội: Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Trường S1, Nguyễn Văn T, Đào Xuân T3, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 12 đến 15 tháng tù về tội Tổ chức Đánh bạc; 06 tháng tù về tội Đánh bạc (được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025, đến ngày 12/5/2025). Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Lò Văn N phải chấp hành là từ 18 đến 21 tháng tù.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S1 từ 07 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T15 từ 07 đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Xuân T3 từ 06 đến 08 tháng tù về tội Đánh bạc.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ

luật Hình sự:

Xử phạt 12 bị cáo: Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam; quy đổi 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ theo quy định của pháp luật. Các bị cáo còn phải chấp hành số thời gian còn lại cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

2.6. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: Số công cụ các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc gồm: 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị một mặt màu vàng, một mặt màu trắng.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền: Số tiền 39.500.000 đồng (ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc, trong đó: (1) Lò Văn N 5.200.000 đồng; (2) Lò Văn X 7.650.000 đồng; (3) Nguyễn Trường S1 5.000.000 đồng; (4) Đèo Văn T6 3.100.000 đồng; (5) Đào Xuân T3 5.000.000 đồng; (6) Lò Văn X1 4.000.000 đồng; (7) Nguyễn Văn T 3.950.000 đồng; (8) Phạm Văn V1 2.600.000 đồng; (9) Lò Văn Q 800.000 đồng; (10) Quàng Văn H3 400.000 đồng; (11) Nguyễn Thị T9 500.000 đồng; (12) Lò Văn C3 400.000 đồng; (13) Lò Văn K 300.000 đồng; (14) Lò Văn T12 300.000 đồng; (15) Quàng Văn H4 200.000 đồng; (16) Lò Văn N7 100.000 đồng.

+ Đối với 09 điện thoại thu giữ của các bị cáo, trong đó có 06 chiếc điện thoại di động các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77S thu giữ của bị cáo Lò Văn X; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 2021 màu xám thu giữ của bị cáo Phạm Văn V1; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno6 5G màu xanh đen thu giữ của bị cáo Lò Văn Q; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus thu giữ của bị cáo Đào Xuân T3; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A15 màu xanh thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 chiếc điện thoại Iphone Promax màu trắng thu giữ của bị cáo Đèo Văn T6: Xét thấy đây là phương tiện liên lạc các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tuyên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

3.3. Trả lại cho các bị cáo:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T9 số tiền 9.530.000 đồng (chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) trong tổng số tiền 49.030.000 đồng đã thu giữ.

- Trả lại cho các bị cáo điện thoại di động không sử dụng váo việc phạm tội gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12 màu đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn X1; 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn C3; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị T9.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Trường S1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T9, Phạm Văn V1, Đào Xuân T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Lò Văn T12, Lò Văn N7 do là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Ý kiến của các bị cáo: Nhất trí với nội dung luận tội của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong quá trình điều tra; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hồi 17 giờ 00 phút ngày 07/4/2025, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (PC02) - Công an tỉnh S làm nhiệm vụ tại khu vực bản Đứa Mòn, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La phát hiện tại nhà ông Lò Văn N có 16 đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức chơi "xóc đĩa" cá cược được thua bằng tiền. Quá trình bắt quả tang một số đối tượng đã bỏ chạy. Tổ công tác đã tiên hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 08 đối tượng là: Nguyễn Thị T9, Lò Văn C3, Lò Văn X1, Nguyên Văn T13, Lò Văn X, Đào Xuân T3, Phạm Văn V1, Trần Hữu T14 cùng vật chứng và đưa các đối tượng về cơ quan Công an để điều tra làm rõ.

Đối với 08 đối tượng bỏ chạy trốn, sau đó đã ra đầu thú gồm: Lò Văn N, Đèo Văn T6, Lò Văn K, Lò Văn N7, Quàng Văn H4, Quàng Văn H3, Lò Văn Q, Lò Văn T12, Nguyễn Trường S1.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

+ Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 17 giờ 00 phút ngày 07/4/2025 tại bản Đứa Mòn, xã Đ, huyện S, tỉnh Sơn La đối với các bị cáo, cùng với các vật chứng bị thu giữ gồm: 21.000.000 đồng thu trên chiếu bạc, 01 bát, 01 đĩa, 04 quân vị, 25.030.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo trên cùng 08 điện thoại di động.

- Kết luận giám định số 601/KL-KTHS ngày 26/5/2025 của Phòng K2 - Công an tỉnh S, kết luận toàn bộ số tiền 49.030.000 đồng thu giữ, tạm giữ của các bị cáo là tiền thật do Ngân hàng N9 phát hành.

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Trường S1, Nguyễn Văn T, Đào Xuân T3, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 phạm tội Đánh bạc; Lò Văn N đã phạm tội Tổ chức đánh bạc và tội Đánh bạc theo Điều 321, Điều 322 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Lò Văn N tổ chức đánh bạc với mục đích thu tiền phế, vi phạm các tình tiết định khung hình phạt: *"Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên"* và *"Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên",* quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Trường S1, Nguyễn Văn T, Đào Xuân T3, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 có hành vi đánh bạc với tổng số tiền 39.500.000 đồng. Vi phạm tình tiết định khung hình phạt "*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng*....quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quản lý Nhà nước về trật tự công cộng, nhưng vì thiếu ý thức chấp hành pháp luật, mong muốn thu lời bất chính một cách nhanh chóng nên đã cố ý thực hiện tội phạm, nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi phạm tội của các bị cáo là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo Lò Văn N phạm tội thuộc

trường hợp nghiêm trọng, các bị cáo còn lại phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội bị cáo trên cơ sở xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[4.1] Về nhân thân:

Các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Đào Xuân T3 có nhân thân xấu với 04 tiền án đã được xóa án tích về các tội Trộm cắp tài sản; Chống người thi hành công vụ; Vận chuyển trái phép chất ma túy và Hủy hoại tài sản.

[4.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Trường S1 và Nguyễn Văn T đều có 01 tiền án về tội Đánh bạc, đến thời điểm phạm tội mới chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp "tái phạm" là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, 16 bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú (09 bị cáo) gồm: Lò Văn N, Lò Văn N7, Lò Văn K, Đèo Văn T6, Quàng Văn H4, Quàng Văn H3, Lò Văn Q, Nguyễn Trường S1, Lò Văn T12 được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn N7 có bố đẻ là Lò Văn N1 là người có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Lò Văn X có bố đẻ là Lò Văn T5 có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Đào Xuân T3 có bố đẻ là Đào Ngọc S2 là người có công trong chiến đấu được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Lò Văn T12 có bố là Lò Văn P1 (Pháu) và mẹ là Lò Thị D tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến

hạng Nhất và Huân chương kháng chiến hạng Ba; bị cáo Lò Văn X1 có bố là Lò Văn H1 và mẹ là Lò Thị Ô tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Nhất; các bị cáo Quàng Văn H3 và Quàng Văn H4 có ông nội là Quàng Văn O1 là người có thành tích trong cuộc kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; bị cáo Phạm Văn V1 có ông nội là Phạm Văn T16 là Liệt sỹ hi sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Đèo Văn T6 có ông nội là Đèo Văn E được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba là tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Lò Văn T12, Lò Văn Nhất là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó cần xem xét mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Việc áp dụng hình phạt chính:

Đối với bị cáo Lò Văn N bị xét xử trong cùng 01 lần về 02 tội, nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Trường S1 và Nguyễn Văn T đều có 01 tiền án chưa được xóa án tích về tội Đánh bạc. Cả hai bị cáo đều có án tích về tội đánh bạc nhưng không rút kinh nghiệm, vẫn tiếp tục tái phạm; bị cáo Đào Xuân T3 nhân thân xấu, do đó cần áp dụng mức hình phạt tù mới đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

Đối với các bị cáo Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, căn cứ nhân thân, nguyên nhân và điều kiện dẫn đến việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mở lượng khoan hồng, vận dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cũng bảo đảm biện pháp cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung. Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập thấp, không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về các đối tượng liên quan đến vụ án:

Đối với Trần Hữu T14, sinh năm 1989, trú tại: bản T, xã N (nay là xã S), tỉnh Sơn La và Chu Trung K1, sinh năm 1984, trú tại: tổ dân phố F, thị trấn S (nay là xã S), tỉnh Sơn La có mặt tại chiếu bạc vào ngày 07/4/2025 nhưng không

tham gia cá cược nên không có căn cứ điều tra xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77S thu giữ của bị cáo Lò Văn X; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 2021 màu xám thu giữ của bị cáo Phạm Văn V1; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno6 5G màu xanh đen thu giữ của bị cáo Lò Văn Q; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A15 màu xanh thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 chiếc điện thoại Iphone Promax màu trắng thu giữ của bị cáo Đèo Văn T6: Xét thấy đây là phương tiện liên lạc các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tuyên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus thu giữ của bị cáo Đào Xuân T3; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12 màu đen thu giữ của bị cáo Lò Văn X1; 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn C3; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu vàng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị T9: Xét thấy đây không phải là phương tiện liên lạc các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 49.030.000 đồng:

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền: Số tiền 39.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc, trong đó: (1) Lò Văn N 5.200.000 đồng; (2) Lò Văn X 7.650.000 đồng; (3) Nguyễn Trường S1 5.000.000 đồng; (4) Đèo Văn T6 3.100.000 đồng; (5) Đào Xuân T3 5.000.000 đồng; (6) Lò Văn X1 4.000.000 đồng; (7) Nguyễn Văn T 3.950.000 đồng; (8) Phạm Văn V1 2.600.000 đồng; (9) Lò Văn Q 800.000 đồng; (10) Quàng Văn H3 400.000 đồng; (11) Nguyễn Thị T9 500.000 đồng; (12) Lò Văn C3 400.000 đồng; (13) Lò Văn K 300.000 đồng; (14) Lò Văn T12 300.000 đồng; (15) Quàng Văn H4 200.000 đồng; (16) Lò Văn N7 100.000 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thương S4 tiền: 9.530.000 đồng (chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Đối với 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị một mặt màu vàng, một mặt màu trắng: Xét thấy đây là công cụ các bị cáo sử dụng để phục vụ cho hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Trường S1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T9, Phạm Văn V1, Đào Xuân T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Lò Văn T12, Lò Văn N7 do là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Căn cứ Điều 322 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội: Tổ chức đánh bạc.

- Căn cứ Điều 321 Bộ luật Hình sự tuyên bố các bị cáo Lò Văn N, Nguyễn Trường S1, Nguyễn Văn T, Đào Xuân T3, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Phạm Văn V1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Nguyễn Thị T9, Lò Văn T12, Lò Văn N7 phạm tội: Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn N 12 (mười hai) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc; 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc,

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, quy đổi hình phạt cải tạo không giam giữ đối với tội Đánh bạc ra án phạt tù là 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (mười lăm) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2024 là 01 (một) tháng 02 (hai) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 13 (mười ba) tháng 28 (hai mươi tám) ngày. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S1 07 (bảy) tháng tù về tội Đánh bạc, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2025 đến ngày 12/5/2024 là 27 (hai mươi bảy) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) tháng tù về tội Đánh bạc, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025 là 35 (ba mươi lăm) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 05 (năm) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Xuân T3 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025 là 35 (ba mươi lăm) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 04 (bốn) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều

36; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Văn X 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 105 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đèo Văn T6 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 96 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn X1 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 105 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn V1 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 105 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn Q 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 93 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn H3 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 96 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn H4 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 96 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 24 (hai mươi bốn) cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận

được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn K 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 96 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn C3 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 105 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T9 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 105 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 15 (mười lăm) cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T12 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 93 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn N7 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2025 đến ngày 12/5/2025, quy đổi bằng 96 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 04 (bốn) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án.

Không khấu trừ thu nhập cá nhân cho các bị cáo.

Miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

Giao các bị cáo Lò Văn X1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn C3, Lò Văn T12, Lò Văn N7 cho UBND xã M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lò Văn X cho UBND xã N, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đèo Văn T6 cho UBND xã B, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Phạm Văn V1, Nguyễn Thị T9 cho UBND xã C, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lò Văn K cho UBND xã C, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị (một mặt màu vàng, một mặt màu trắng) đựng trong 01 hộp vật chứng còn nguyên niêm phong.

3.2. Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77S thu giữ của bị cáo Lò Văn X, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì thư của Công an tỉnh S còn nguyên niêm phong.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Realme C11 2021 màu xám thu giữ của Phạm Văn V1, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì thư của Công an tỉnh S còn nguyên niêm phong.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno6 5G màu xanh đen thu giữ của Lò Văn Q, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì thư của Công an tỉnh S còn nguyên niêm phong.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn T, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì thư của Công an tỉnh S còn nguyên niêm phong.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Promax màu trắng thu giữ của Đèo Văn T6, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì thư của Công an tỉnh S còn nguyên niêm phong.

3.3. Trả lại cho các bị cáo:

- Trả lại cho bị cáo Đào Xuân T3: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus thu giữ của Đào Xuân T3, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì thư của Công an tỉnh S còn nguyên niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn X1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12 màu đen thu giữ của Lò Văn X1, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì thư của Công an tỉnh S còn nguyên niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn C3: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen đã qua sử dụng thu giữ của Lò Văn C3, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì thư của Công an tỉnh S còn nguyên niêm phong.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T9: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng thu giữ của Nguyễn Thị T9, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì thư của Công an tỉnh S còn nguyên niêm phong.

3.4. Đối với số tiền 49.030.000 đồng *(bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng)* được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an tỉnh S phát hành còn nguyên niêm phong xử lý như sau:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền: 39.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thương S4 tiền: 9.530.000 đồng (chín triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy vỏ phong bì cũ gửi giám định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S và Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Trường S1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H7, Phạm Văn V1, Đào Xuân T3 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Lò Văn N, Lò Văn X, Đèo Văn T6, Lò Văn X1, Lò Văn Q, Quàng Văn H3, Quàng Văn H4, Lò Văn K, Lò Văn C3, Lò Văn T12, Lò Văn N7 được miễn án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

7. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/9/2025)./.

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội;
- Viện Phúc thẩm 1 – VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC02 - Công an tỉnh Sơn La;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Phòng GĐ, TT, KT và THA;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Xuân Thủy